TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Bản án số: 218/2023/HC-PT	
Ngày 11 – 4 – 2023	
V/v khiếu kiện quyết định hành chính về việc giải quyết khiếu nại.	

.

.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thanh

Các thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Ông Vương Minh Tâm

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số: 762/2022/TLPT-HC ngày 21 tháng 11 năm 2022 về khiếu kiện quyết định hành chính về việc giải quyết khiếu nại.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 20/2022/HC-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 491/2023/QĐ-PT ngày 20 tháng 3 năm 2023; giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Tô Văn Ch, sinh năm 1966; địa chỉ: Số 337/4, đường TĐT, Khóm 2, Phường 5, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở hiện nay: Số 371/35/T2, đường TĐT, Khóm 2, Phường 5, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng, *(có mặt).*

- *Người bị kiện*: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng;

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện (theo Giấy ủy quyền ngày 12/7/2022): Ông Vương Quốc N – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ: Số 01, đường CVT, Phường 2, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng, *(xin vắng mặt);*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Đặng Thành M – Phó Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ: Số 01 Bis, HHK, Khóm 1, Phường 2, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng, *(có mặt).*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Dương Thị Kim Th – Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ: Số 01 Bis, đường HHK, Khóm 1, Phường 2, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng, *(xin vắng mặt);*

- *Người kháng cáo*: Người khởi kiện ông Tô Văn Ch.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện ngày 31/5/2022 và quá trình tham gia tố tụng giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Tô Văn Ch trình bày:

Ông Tô Văn Ch có đơn gửi đến UBND tỉnh Sóc Trăng yêu cầu xem xét lại việc thực hiện thanh toán các khoản trưng mua lúa gạo năm 1975-1976 của gia đình không đúng với văn bản của Bộ Tài chính, thời điểm năm 1996 và năm 1998 có trừ nợ Ngân hàng và lúa dân gửi tại nhà máy mà ông Ch được thừa hưởng theo di chúc của cha của ông là ông Tô Ph.

Theo đó, ông Tô Văn Ch nhận được Công văn số 1901/UBND-TD ngày 02/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng trả lời ông Ch, cũng như gia đình ông. Ông Ch không đồng ý với Công văn này nên ngày 17/11/2020 ông Ch làm đơn khiếu nại gửi đến UBND tỉnh Sóc Trăng. Đến ngày 19/5/2022, ông Ch nhận được Quyết định số 1257/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc giải quyết khiếu nại của ông. Tại quyết định này, một lần nữa Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng đã ra bác đơn khiếu nại của ông Ch, công nhận và giữ nguyên Công văn số 1901/UBND-TD ngày 02/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng.

Việc Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định số 1257/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 không chấp nhận yêu cầu của ông Ch làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Vì vậy, ông Tô Văn Ch yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định số 1257/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về giải quyết khiếu nại của ông Ch.

- Người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng có Văn bản số 1601/UBND-NC ngày 22/7/2022 trình bày như sau:

Qua kiểm tra, rà soát, đối thoại liên quan đến việc khiếu nại, phản ánh của ông Tô Văn Ch cho rằng Ban thanh toán nợ tỉnh Sóc Trăng thanh toán các khoản trưng mua lúa gạo của gia đình ông không đúng với văn bản của Bộ Tài

chính, ngày 02/11/2020, Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng đã ban hành Công văn số 1901/UBND-TD trả lời đơn của ông Ch. Ông Tô Văn Ch không thống nhất với Công văn này và đã có đơn khiếu nại ký ngày 17/11/2020.

Trên cơ sở kết quả xác minh của cơ quan chức năng và kết quả đối thoại với ông Tô Văn Ch, ngày 10/5/2022, Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định số 1257/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại của ông Ch (lần đầu).

Ông Tô Văn Ch yêu cầu xem xét lại việc thanh toán các khoản trưng mua lúa gạo năm 1975 - 1976 của gia đình ông không đúng với văn bản của Bộ Tài chính, vào thời điểm năm 1996 và năm 1998 có trừ nợ Ngân hàng và lúa dân gửi tại Nhà máy mà ông Ch là người được thừa hưởng theo di chúc của cha ông là ông Tô Ph để lại là không có cơ sở xem xét, bởi lẽ:

+ Đối với số lúa gạo theo 15 biên nhận, số trừ lúa dân gửi tại nhà máy HX và các khoản nợ ngân hàng đã được nhà nước chi trả cho ông Tô Ph đầy đủ, được đối chiếu, thống nhất giữa ông Tô Ph và Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng tại Biên bản ngày 09/12/1996, Biên bản ngày 03/8/1998 và Biên bản giải quyết khiếu nại ngày 13/12/1999.

+ Năm 2002 ông Tô Ph chết, tại thời điểm mở thừa kế thì di sản để lại theo di chúc ngày 28/7/1994 không còn. Căn cứ khoản 3 Điều 643 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *"Di chúc không có hiệu lực, nếu di sản để lại cho người thừa kế không còn vào thời điểm mở thừa kế"*.

Giấy xác nhận ngày 21/4/1982 của Công ty Lương thực thị xã Sóc Trăng và xác nhận ngày 23/4/1982 của Ngân hàng tỉnh Hậu Giang, tại Mục IV có nêu: Giấy xác nhận này chỉ có giá trị để đương sự nạp vào hồ sơ xin lãnh tiền cung cấp lúa gạo (sau ngày tiếp thu) cho Ban Quân quản tỉnh Long Châu Hà (tỉnh An Giang ngày nay). Không được dùng giấy này để nộp vào hồ sơ nào khác.

Nay, người khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết hủy Quyết định số 1257/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng là không có cơ sở nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng không chấp nhận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa sơ thẩm trình bày:

1. Căn cứ chứng từ gốc biên nhận thu mua lúa gạo thực tế; biên bản kiểm kê; bảng kê khai lúa dân gửi của (Công ty) nhà máy và các phần hùn tại Nhà máy HX gồm 15 biên nhận gốc bằng 12.600 bao gạo (quy lúa) tương đương 1.940.400 kg; Công ty Quốc doanh lúa đã thanh toán tiền ứng trước (quy lúa) tương đương: 211.666 kg. Như vậy, số còn được thanh toán: 1.728.734 kg, đã được Hội đồng thanh toán nợ dân thông qua và thực hiện chi trả đầy đủ lúa gạo

Nhà nước thu mua cho ông Tô Ph (là cha của ông Tô Văn Ch) lúc còn sống, cụ thể:

+ Theo Quyết định số 1032/QĐHC-96 ngày 06/12/1996 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng, với mức trả bằng 50% số lượng lúa còn được thanh toán: 864.367 kg lúa, nhân giá 1.300đ/kg lúa, bằng số tiền: 1.123.677.100 đồng (chứng từ chi ngày 09/12/1996 do ông Tô Ph nhận).

+ Theo Quyết định số 569/QĐ.HC.98 ngày 04/7/1998 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc tiếp tục thanh toán 50% số lượng lúa còn lại của các hộ dân đã chi trả tại Quyết định số 1032/QĐHC.96 ngày 06/12/1996 của Chủ tịch UBND tỉnh, với số lượng lúa thanh toán là: 864.367 kg lúa, nhân giá 1.400đ/kg lúa, bằng số tiền: 1.210.113.800 đồng (chứng từ chi ngày 04/8/1998 do ông Tô Ph nhận).

+ Quyết định số 835/QĐ.HC.97 ngày 03/11/1997 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng, với tổng số lúa (kiểm kê): 593.384 kg, mức trả bằng 50% số lượng lúa, gạo đã (kiểm kê) tính theo giá thu thuế nông nghiệp là: 1.300đ/kg; tức là (296.692 kg x 1.300đ/kg) = 385.699.600 đồng. Tuy nhiên, Ban thanh toán nợ tỉnh tạm chi trả 25% của tổng số lúa bằng 148.346 kg lúa x 1.300đ = 192.849.800 đồng (người nhận ông Tô Ph, chứng từ chi ngày 12/11/1997 có điểm chỉ); nếu Bộ Tài chính chấp nhận quyết toán thì Ban thanh toán nợ tỉnh tiếp tục chi trả tiếp 25% còn lại. Sau khi quyết toán với Bộ Tài chính thì Bộ Tài chính không chấp nhận quyết toán số lúa này, lý do lúa kiểm kê chưa có chủ trương thanh toán; đồng thời đề nghị Ban thanh toán nợ tỉnh có trách nhiệm thu hồi số tiền đã chi: 192.849.800 đồng nộp trả lại Ngân sách Trung ương *(như vậy, coi như Quyết định số 835/QĐ.HC.97 chưa thực hiện, lý do lúa kiểm kê chưa có chủ trương thanh toán)*.

2. Các khoản phải trừ:

a) Lúa dân gửi tại Nhà máy HX:

+ Theo Quyết định số 1032/QĐHC.96 ngày 06/12/1996;

Trừ lúa dân gửi đợt 1 số lượng lúa: 449.854 kg x 1.300đ/kg = 378.579.500 đồng (tại Biên bản thanh toán ngày 09/12/1996);

+ Theo quyết định số 569/QĐ.HC.98 ngày 04/07/1998 với số lượng lúa 50% còn lại. Nhưng sau khi kiểm tra, rà soát tính toán lại giữa Ban thanh toán nợ với ông Tô Ph hai bên thống nhất phương thức chi trả và thu hồi nợ bằng cách chia theo tỉ lệ phần trăm thể hiện tại Biên bản làm việc ngày 03/8/1998; ông Tô Ph đại diện Công ty MC đồng ý ký xác nhận và điểm chỉ cụ thể:

Trừ lúa dân gửi đợt 2: 158.988 kg x 1.400đ/kg = 222.519.800 đồng.

* Tổng 02 đợt là: 449.854kg + 158.988kg = 608.842 kg lúa, tương đương: 807.393.400 đồng;

Như vậy, tổng 02 đợt trừ phần lúa dân gửi giữa Ban thanh toán nợ và ông Tô Ph thống nhất trừ 608.842kg, chứ không phải trừ 899.708kg lúa dân như đã nêu ở trên. Như vậy, Nhà nước trừ phần lúa dân gửi giảm là 290.800/866kg (899.708kg - 608.842kg).

Ban Thanh toán nợ căn cứ chứng từ gốc, giấy tờ có liên quan đến thu mua lúa của dân năm 1975-1976 tại Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng, do Công ty Lương thực bàn giao cho Ban Thanh toán nợ tỉnh thể hiện tại bản kê khai lúa trước ngày 30/4/1975 tại Nhà máy HX, ngày 21/6/1975 (có tên chủ gửi, các chành gửi lúa, số lượng lúa gửi) và các hồ sơ khác có liên quan đến Nhà máy, cho thấy các hộ dân có đơn, chứng từ gốc gửi lúa trước ngày 30/4/1975 (có ký tên, đóng dấu) của các chủ nhà máy, các chủ công ty kinh doanh MC (trước 30/4/1975) đã được Ban thanh toán nợ tỉnh thực hiện thanh toán cho đối tượng gửi, các chành gửi lúa tại Nhà máy HX, gồm:

(Vạn Hòa L (HS) lúa: 131.29 tạ; Bỉnh Q (tự LL) lúa loại A: 84,00 tạ, loại B: 95,37 tạ; Lâm Thiện Kh, ủy quyền Lâm Xuân H: 1.366,49 tạ, của Tạ Thị B: 1.000 tạ; Vinh L1 (TT), ủy quyền cho Tô Mỹ H1: 205,91 tạ; Vĩnh H2 (Huỳnh Thị K) lúa: 938,25 tạ, nếp 14,18 tạ,...);

Do đó, Ban thanh toán nợ tỉnh (Sở Tài chính) trừ phần lúa dân gửi tại Nhà máy HX, là hợp lý đúng quy định.

b) Nợ Ngân hàng của ông Tô Ph:

- Trừ nợ Ngân hàng đợt 1 (quy lúa): 291.215kg x 1.300đ/kg = 378.579.500đ.

- Trừ nợ Ngân hàng đợt 2 (quy lúa): 159.657kg x 1.400đ/kg = 223.519.800đ.

* Tổng 02 đợt là 291.215kg + 159.657kg = 450.872 kg lúa tương đương 602.099.300 đồng;

Như vậy, tổng 02 đợt trừ nợ Ngân hàng giữa Ban thanh toán nợ và ông Tô Ph thống nhất là 450.872kg lúa; chứ không phải trừ 582.430kg lúa như đã nêu trên. Như vậy, nhà nước đã trừ phần nợ Ngân hàng giảm là 131.558kg lúa (582.430kg – 450.872kg)

Ban thanh toán nợ tỉnh căn cứ hồ sơ liên quan như bản kê khai Nhà máy của ông Tô Ph (tức cha của ông Tô Văn Ch) ngày 03/7/1975 và báo cáo xin thanh toán tiền vay ngân hàng ngày 18/8/1975 do Công ty Lương thực bàn giao cho Ban thanh toán nợ tỉnh làm căn cứ để khấu trừ nợ đối với các chủ Công ty,

Nhà máy trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng còn nợ Nhà nước, trước khi thực hiện thanh toán cho chủ Công ty, Nhà máy và được ông Tô Ph, đồng ý thống nhất các số liệu thanh toán với Ban thanh toán nợ tại biên bản ngày 09/12/1996, ngày 03/8/1998 và biên bản giải quyết khiếu nại ngày 13/12/1999.

Việc trừ lúa dân gửi tại Nhà máy HX và các khoản nợ Ngân hàng (Sở Tài chính) Ban thanh toán nợ cấn trừ đã được ông Tô Ph, đối chiếu và thống nhất với Sở Tài chính tại biên bản ngày 09/12/1996 và ngày 03/8/1998, đồng thời, ông Tô Ph đã nhận đầy đủ số tiền do Nhà nước chi trả;

Do đó, Ban thanh toán nợ tỉnh (Sở Tài chính) trừ phần lúa dân gửi tại nhà máy HX, là hợp lý. Đồng thời, Ban thanh toán nợ tỉnh cũng đã xem xét giảm trừ cho ông Tô Ph, khoản tiền mà ông Tô Ph đã ứng trước cho các hộ dân có tên chủ gửi, các chành gửi lúa nêu trên là có cơ sở (đính kèm bảng kê khai lúa dân gửi năm 1975 với tổng số tiền: 5.223.137 đồng (quy lúa) tương đương: 58.034kg lúa.

* Tóm lại:

1. Lúa dân gửi tại nhà máy: 899.708kg

- Trừ lúa dân gửi đợt 1 theo Quyết định số 1032/QĐHC.96 ngày 06/12/1996 số lượng lúa: 449.854 kg x 1.300đ/kg = 378.579.500 đồng; (tại Biên bản thanh toán ngày 09/12/1996)

- Trừ lúa dân gửi đợt 2: 158.988 kg x 1.400đ/kg=222.519.800 đồng.

* Tổng 02 đợt với số lượng lúa: 608.842 kg lúa, số tiền là 807.393.400 đồng;

2. Theo báo cáo xin thanh toán tiền vay Ngân hàng của ông Tô Ph: 52.418.749 đồng (tiền Sài Gòn cũ) quy lúa tương đương: 582.430kg lúa.

- Trừ nợ Ngân hàng đợt 1 (quy lúa): 291.215kg x 1.300đ/kg = 378.579.500đ. (tại Biên bản thanh toán ngày 09/12/1996)

- Trừ nợ Ngân hàng đợt 2 (quy lúa): 159.657kg x 1.400đ/kg = 223.519.800đ.

* Tổng 02 đợt với số lượng quy lúa: 450.872 kg lúa, số tiền là 602.099.300 đồng;

Sau khi kiểm tra, rà soát lại trong đó được ông Tô Ph thanh toán tiền ứng trước cho dân (quy lúa) tương đương: 58.034kg tại bảng kê lúa dân gửi năm 1975 (899.708kg - 58.034kg) = 841.674kg và chỉ trừ phần chênh lệch còn lại đã quy đổi theo tỷ lệ phần trăm đối với nợ phải thu hồi nợ ngân hàng và lúa dân gửi: 318.645kg lúa. Tức là số phải trừ của ông Tô Ph hai đợt chi trả: (741.069kg

+ 318.645kg) = 1.059.714kg (Ban đầu phải trừ là 1.482.138kg), tức là trừ của 02 đợt chi trả Nợ Ngân hàng và dân gửi giảm: 422.424kg lúa. So với ban đầu phải trừ tại Biên bản ngày 09/12/1996.

3. Về Giấy xác nhận ngày 21/4/1982

Theo xác nhận của Ngân hàng đương sự có số chênh lệch là 106.419,19 đồng (tiền Ngân hàng mới) tại mục IV có nêu: " Giấy xác nhận này chỉ có giá trị để đương sự nạp vào hồ sơ xin lãnh tiền cung cấp gạo (sau ngày tiếp thu) cho Ban Quân quản tỉnh Long Châu Hà (An Giang) không được dùng giấy này để nộp vào hồ sơ nào khác; Đồng thời, ông Tô Văn Ch cũng không cung cấp được chứng cứ để minh chứng cho tình hình phản ánh thực tế giao dịch tại Ngân hàng sau thời điểm 21/4/1982 do đó, giấy xác nhận này không đủ cơ sở pháp lý để xem xét giải quyết. Mặt khác, theo văn bản này thì ông Tô Văn Ch (là người thừa kế ông Tô Ph hiện nay) có trách nhiệm liên hệ với UBND tỉnh An Giang để được xem xét giải quyết theo thẩm quyền;

4. Việc khấu trừ nợ đối với gia đình ông trong thực hiện thanh toán lúa gạo năm 1975 - 1976 là không đúng với văn bản của Bộ Tài chính

Căn cứ Công văn số 779 TC/HCSN ngày 11/3/1997 của Bộ Tài chính về việc Thanh toán nợ dân, tại Mục b khoản 1 nêu "đối với khoản trưng mua lúa gạo của nhân dân các tỉnh phía nam trong năm 1975 - 1976 đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thành lập Hội đồng bao gồm: Văn phòng Ủy ban, Thanh tra tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân, Công an, Sở Tài chính để kiểm tra xác minh lại các chứng từ gốc nếu đúng sự thật thì giải quyết thanh toán số còn nợ".

Từ cơ sở trên, Sở Tài chính (Ban thanh toán nợ tỉnh) là Phó Chủ tịch Hội đồng Thanh toán nợ tỉnh đã kiểm tra, đối chiếu, xác định lại toàn bộ chứng từ gốc, sổ sách có liên quan đến thu mua lúa của dân năm 1975-1976 đối với chủ Công ty, nhà máy. Qua đó cho thấy các hộ dân có đơn, chứng từ gốc gửi lúa trước ngày 30/4/1975 (có ký tên, đóng dấu) của các chủ nhà máy, các chủ công ty kinh doanh MC (trước 30/4/1975) đã được Ban thanh toán nợ tỉnh, thực hiện thanh toán cho đối tượng này là đúng theo quy định; như nêu ở trên.

* Vấn đề liên quan khác;

Trong các phần hùn tại Nhà máy HX gồm 15 biên nhận gốc bằng 12.600 bao gạo (quy lúa) tương đương: 1.940.400 kg; Công ty Quốc doanh lúa đã thanh toán tiền ứng trước (quy lúa) tương đương: 211.666 kg. Như vậy, số còn được thanh toán: 1.728.734 kg. Trong đó:

- Biên nhận thu mua lúa gạo do ông Tô Ph đứng tên gồm 10 biên nhận.

- Biên nhận thu mua lúa gạo do ông Trần Kinh H4 đứng tên gồm 05 biên nhận:

1. Biên nhận thu mua lúa gạo ngày 24/7/1975 gạo: 1.000 bao

- Đã nhận tiền mặt ứng trước: 1.000.000 đồng.

2. Biên nhận thu mua lúa ngày 28/7/1975 gạo: 650 bao

- Đã nhận tiền mặt ứng trước: 650.000 đồng.

3. Biên nhận thu mua lúa ngày 01/8/1975 gạo: 450 bao

- Đã nhận tiền mặt ứng trước: 450.000 đồng.

4. Biên nhận thu mua lúa ngày 04/8/1975 gạo: 900 bao

- Đã nhận tiền mặt ứng trước: 900.000 đồng.

5. Biên nhận thu mua lúa ngày 21/8/1975 gạo: 1.000 bao

- Đã nhận tiền mặt ứng trước: 1.000.000 đồng.

* Tổng cộng: gạo 4.000 bao x 100kg/bao = 400.000kg gạo (quy lúa) x1,54 tương đương: 616.000kg lúa.

- Đã nhận tiền ứng trước tổng cộng: 4.000.000 đồng. (quy lúa)/90đ tương đương 44.444kg lúa. Như vậy, còn lại phải trả cho ông Trần Kinh H4: 571.556kg lúa.

Trong khi đó Ban thanh toán nợ tỉnh chỉ thanh toán phần hùn cho ông Trần Kinh H4 cụ thể (tại Biên bản ngày 09/12/1996 và ngày 03/8/1998)

a) Phần hùn của ông Trần Kinh H4 với tổng số lúa: 78.294 kg lúa;

- Thực hiện chi trả đợt 1 (50%): 39.147 kg x 1.300đ/kg = 50.891.100 đồng.

- Đợt 2 (50% còn lại: 39.147kg x 1.400đ/kg = 54.805.800 đồng.

- Vấn đề này ông Tô Ph có đơn xin tạm ngưng chi trả biên nhận tiền lúa gạo của ông Trần Kinh H4 ký ngày 31/7/1998 (đính kèm) và Biên bản ngày 03/8/1998; đồng thời, Bộ Tài chính có Công văn số 191 TC/HCSN ngày 12/7/2000 trả lời đối với ông Tô Ph.

b) Lúa kiểm kê chưa có chủ trương thanh toán

Về số tiền 192.849.800đ đã chi tại chứng từ số 8478 ngày 12/11/1997 do ông Tô Ph nhận và điểm chỉ, đã thu hồi hoàn lại ngân sách như nêu ở trên.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 20/2022/HC-ST ngày 27/9/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Tô Văn Ch về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1257/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về giải quyết khiếu nại của ông Tô Văn Ch (lần đầu).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 07/10/2022, người khởi kiện ông Tô Văn Ch có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ch.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện ông Tô Văn Ch vẫn giữ nguyên kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ch.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Căn cứ chứng từ gốc biên nhận thu mua lúa gạo thực tế; biên bản kiểm kê; bảng kê khai lúa dân gửi của nhà máy và các phần hùn tại Nhà máy HX gồm 15 biên nhận gốc bằng 12.600 bao gạo (quy lúa) tương đương 1.940.400 kg; Công ty Quốc doanh lúa đã thanh toán tiền ứng trước (quy lúa) tương đương: 211.666 kg. Như vậy, số còn được thanh toán: 1.728.734 kg, đã được Hội đồng thanh toán nợ dân thông qua và thực hiện chi trả đầy đủ lúa gạo Nhà nước thu mua cho ông Tô Ph (là cha của ông Tô Văn Ch) lúc còn sống. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Tô Văn Ch là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Tô Văn Ch không có tài liệu, chứng cứ nào mới nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Ch; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng giải quyết vụ án đúng theo quy định pháp luật; các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Tô Văn Ch;

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và quyết định, bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Tô Văn Ch về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1257/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về giải quyết khiếu nại của ông Tô Văn Ch (lần đầu), là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án, có căn cứ và đúng quy định pháp luật. Người khởi kiện ông Tô Văn Ch kháng cáo, nhưng không đưa ra được tình tiết nào mới nên đề nghị Hội đồng xét

xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Ch; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Tô Văn Ch nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng hành chính nên hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng có văn bản xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vụ án vắng mặt các đương sự này theo quy định tại khoản 4 Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] *Về việc tiến hành tố tụng giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm.*

Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định và thực hiện đúng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

[2] *Về tính hợp pháp của quyết định hành chính bị khiếu kiện;*

[2.1] *Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định hành chính bị khiếu kiện*;

Ngày 17/9/2019, ông Tô Văn Ch có đơn khiếu nại về việc UBND tỉnh Sóc Trăng thực hiện thanh toán các khoản trưng mua lúa gạo năm 1975 – 1976 của gia đình ông Ch (cha ông là ông Tô Ph).

Ngày 10/3/2020, Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định số 641/QĐ-UBND về việc thành lập Tổ công tác kiểm tra, rà soát nội dung khiếu nại của ông Tô Văn Ch (BL 97). Ngày 13/7/2020, Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản làm việc với ông Tô Văn Ch (BL 101-103). Ngày 19/10/2020, Tổ công tác ban hành Báo cáo số 01/BC-TCT về kết quả kiểm tra, rà soát nội dung khiếu nại của ông Tô Văn Ch (BL 98-100). Ngày 02/11/2020, Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng ban hành Công văn số 1901/UBND-TD trả lời đơn của ông Tô Văn Ch. Không đồng ý với Công văn số 1901/UBND-TD nên ngày 17/11/2020 ông Tô Văn Ch đã có đơn khiếu nại gửi đến Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 30/11/2020, Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng ban hành Thông báo số 55/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại (lần đầu) (BL 104). Cùng ngày, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3356/QĐ-UBND về việc

giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại (BL 105). Ngày 15/12/2020, Giám đốc Sở Tài chính ban hành Quyết định số 122/QĐ-STC về việc thành lập Tổ thẩm tra, rà soát, xác minh nội dung khiếu nại (BL 106). Tổ thẩm tra đã tiến hành lập Biên bản làm việc với ông Tô Văn Ch và bà Tô Tuyết Kh1 vào ngày 08/01/2021 (BL 112, 113). Ngày 26/01/2021, Tổ thẩm tra ban hành Báo cáo số 03/BC-TTT về kết quả thẩm tra, rà soát, xác minh nội dung khiếu nại của ông Tô Văn Ch (BL 114 đến 117); ngày 18/3/2022, tiến hành lập Biên bản đối thoại với người khiếu nại (BL 07, 08). Ngày 21/5/2021, Sở Tài chính ban hành Báo cáo số 1819/BC-STC về kết quả xác minh nội dung khiếu nại gửi Chủ tịch UBND tỉnh (BL 118, 119). Ngày 10/5/2022, Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định số 1257/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của ông Tô Văn Ch (lần đầu), trong đó đã quyết định: Công nhận và giữ nguyên Công văn số 1901/UBND-TD; bác khiếu nại của ông Ch.

Từ tài liệu, chứng cứ nên trên, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định hành chính bị khiếu kiện đã được người bị kiện thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 21, các Điều 27, 29, 30, 31, 32 của Luật Khiếu nại năm 2012, là có căn cứ.

[2.2] *Về nội dung, căn cứ ban hành quyết định hành chính bị khiếu kiện*;

[2.2.1] Tại Mục b khoản 1 của Công văn số 779 TC/HCSN ngày 11/3/1997 của Bộ Tài chính về việc Thanh toán nợ dân có nêu *"đối với khoản trưng mua lúa gạo của nhân dân các tỉnh phía nam trong năm 1975 - 1976 đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thành lập Hội đồng bao gồm: Văn phòng Ủy ban, Thanh tra tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân, Công an, Sở Tài chính để kiểm tra xác minh lại các chứng từ gốc nếu đúng sự thật thì giải quyết thanh toán số còn nợ"*.

Trên cơ sở nêu trên, Sở Tài chính (Ban thanh toán nợ tỉnh) là Phó Chủ tịch Hội đồng Thanh toán nợ tỉnh Sóc Trăng đã kiểm tra, đối chiếu, xác định lại toàn bộ chứng từ gốc, sổ sách có liên quan đến thu mua lúa của dân năm 1975-1976 đối với chủ Công ty, nhà máy. Qua đó xác định các hộ dân có đơn, chứng từ gốc gửi lúa trước ngày 30/4/1975 (có ký tên, đóng dấu) của các chủ nhà máy, các chủ công ty kinh doanh MC (trước 30/4/1975) để Ban thanh toán nợ tỉnh Sóc Trăng thực hiện thanh toán cho đối tượng này theo quy định.

Đối với lúa gạo Nhà nước thu mua cho ông Tô Ph (là cha của ông Tô Văn Ch): Căn cứ chứng từ gốc biên nhận thu mua lúa gạo thực tế; biên bản kiểm kê; bảng kê khai lúa dân gửi của (Công ty) nhà máy và các phần hùn tại Nhà máy HX gồm 15 biên nhận gốc bằng 12.600 bao gạo (quy lúa) tương đương 1.940.400 kg; Công ty Quốc doanh lúa đã thanh toán tiền ứng trước (quy lúa) tương đương: 211.666 kg, số còn lại 1.728.734 kg đã được Hội đồng thanh toán

nợ dân thông qua và thực hiện chi trả đầy đủ cho ông Tô Ph lúc còn sống, cụ thể:

[2.2.1a] Theo Quyết định số 1032/QĐHC-96 ngày 06/12/1996 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng, với mức trả bằng 50% số lượng lúa còn được thanh toán: 864.367 kg lúa, nhân giá 1.300đ/kg lúa, bằng số tiền: 1.123.677.100 đồng (chứng từ chi ngày 09/12/1996 do ông Tô Ph nhận).

[2.2.1b] Đối với khoản thanh toán trừ vào lúa dân gửi tại nhà máy HX:

Ban Thanh toán nợ căn cứ chứng từ gốc, giấy tờ có liên quan đến thu mua lúa của dân năm 1975-1976 tại Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng, do Công ty Lương thực bàn giao cho Ban Thanh toán nợ tỉnh thể hiện tại bản kê khai lúa trước ngày 30/4/1975 tại Nhà máy HX, ngày 21/6/1975 (có tên chủ gửi, các chành gửi lúa, số lượng lúa gửi) và các hồ sơ khác có liên quan đến Nhà máy, cho thấy các hộ dân có đơn, chứng từ gốc gửi lúa trước ngày 30/4/1975 (có ký tên, đóng dấu) của các chủ nhà máy, các chủ Công ty kinh doanh MC (trước 30/4/1975) đã được Ban thanh toán nợ tỉnh thực hiện thanh toán cho đối tượng gửi, các chành gửi lúa tại Nhà máy HX, gồm: Vạn Hòa L (HS) lúa: 131.29 tạ; Bỉnh Q (tự LL) lúa loại A: 84,00 tạ, loại B: 95,37 tạ; Lâm Thiện Kh, ủy quyền Lâm Xuân H: 1.366,49 tạ, của Tạ Thị B: 1.000 tạ; Vinh L1 (TT), ủy quyền cho Tô Mỹ H1: 205,91 tạ; Vĩnh H2 (Huỳnh Thị K) lúa: 938,25 tạ, nếp 14,18 tạ. Do đó, Ban thanh toán nợ tỉnh (Sở Tài chính) trừ phần lúa dân gửi tại nhà máy HX với số lượng lúa 608.842 kg, tương đương: 807.393.400 đồng, là hợp lý, đúng quy định. Đồng thời, Ban thanh toán nợ tỉnh Sóc Trăng cũng đã xem xét giảm trừ cho ông Tô Ph đối với khoản tiền mà ông Tô Ph đã ứng trước cho các hộ dân có tên chủ gửi, các chành gửi lúa nêu trên là có cơ sở (đính kèm bảng kê khai lúa dân gửi năm 1975 với tổng số tiền: 5.223.137 đồng (quy lúa) tương đương: 58.034kg lúa.

[2.2.1c] Đối với khoản thanh toán trừ vào nợ Ngân hàng của ông Tô Ph:

Ban thanh toán nợ tỉnh Sóc Trăng căn cứ hồ sơ liên quan như bản kê khai Nhà máy của ông Tô Ph (ngày 03/7/1975 và báo cáo xin thanh toán tiền vay ngân hàng ngày 18/8/1975 do Công ty Lương thực bàn giao cho Ban thanh toán nợ tỉnh Sóc Trăng làm căn cứ để khấu trừ nợ đối với các chủ Công ty, Nhà máy trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng còn nợ Nhà nước; trước khi thực hiện thanh toán cho chủ Công ty, Nhà máy và được ông Tô Ph đồng ý thống nhất các số liệu thanh toán với Ban thanh toán nợ tại biên bản ngày 09/12/1996, ngày 03/8/1998 và biên bản giải quyết khiếu nại ngày 13/12/1999. Qua đó, tổng 02 đợt trừ nợ Ngân hàng đã được Ban thanh toán nợ và ông Tô Ph thống nhất là 450.872kg lúa; tương đương 602.099.300 đồng.

[2.2.1d] Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định, đối với 15 Biên nhận mà ông Tô Ph đã lập di chúc ngày 28/7/1994 cho ông Tô Văn Ch thì trước đó đã được ông Tô Ph đối chiếu thống nhất với Sở Tài chính và Nhà nước đã chi trả, thanh toán đầy đủ cho ông Tô Ph tại Biên bản ngày 09/12/1996 và ngày 03/8/1998 (BL 122, 123) là đúng theo Văn bản của Bộ Tài chính tại thời điểm năm 1996 và năm 1998; việc trừ vào lúa dân gửi tại nhà máy HX và trừ vào khoản nợ Ngân hàng của ông Tô Ph trong quá trình thanh toán lúa gạo Nhà nước thu mua cho ông Tô Ph là phù hợp với tài liệu, chứng cứ vụ án, có căn cứ, đúng quy định.

[2.2.2] Năm 2002 ông Tô Ph chết, tại thời điểm mở thừa kế thì di sản để lại theo di chúc không còn, nên di chúc này không có hiệu lực theo quy định tại khoản 3 Điều 643 Bộ luật Dân sự năm 2015 *"Di chúc không có hiệu lực, nếu di sản để lại cho người thừa kế không còn vào thời điểm mở thừa kế..."*. Theo đó, những khiếu nại của ông Tô Văn Ch về các nội dung vấn đề liên quan đến 15 Biên nhận mà ông Tô Ph đã lập di chúc ngày 28/7/1994 cho ông Ch cũng là không có cơ sở pháp lý.

[2.2.3] Về Giấy xác nhận ngày 21/4/1982, theo xác nhận của Công ty Lương thực thị xã Sóc Trăng ngày 21/4/1982 và Ngân hàng tỉnh Hậu Giang ngày 23/4/1982 thì đương sự có số tiền chênh lệch là 106.419,19 đồng (tiền Ngân hàng mới), tuy nhiên tại mục IV có nêu: *"Giấy xác nhận này chỉ có giá trị để đương sự nạp vào hồ sơ xin lãnh tiền cung cấp lúa gạo (sau ngày tiếp thu) cho Ban Quân quản tỉnh Long Châu Hà (An Giang). Không được dùng giấy này để nộp vào hồ sơ nào khác" (*BL 125). Ông Tô Văn Ch cũng không cung cấp chứng cứ, chứng minh tình hình phản ánh thực tế giao dịch tại ngân hàng sau thời điểm ngày 21/4/1982. Do đó, Giấy xác nhận này không đủ cơ sở pháp lý để giải quyết.

[2.2.4] Với những tài liệu, chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở xác định, Quyết định số 1257/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng ban hành giải quyết khiếu nại của ông Tô Văn Ch (lần đầu) đã quyết định: Công nhận và giữ nguyên Công văn số 1901/UBND-TD; bác khiếu nại của ông Ch, là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở nhận thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và quyết định, bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Tô Văn Ch về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1257/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về giải quyết khiếu nại của ông Ch, là đúng. Người khởi kiện ông Tô Văn Ch kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào mới, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của ông Ch; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Những ý kiến, quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày tại phiên tòa phúc thẩm do phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nêu trên nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm;

Đương sự kháng cáo ông ông Tô Văn Ch phải nộp án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính.

1- Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Tô Văn Ch; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số: 20/2022/HC-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194 và khoản 1 Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.1. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Tô Văn Ch về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1257/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về giải quyết khiếu nại của ông Tô Văn Ch (lần đầu).

1.2. Về án phí sơ thẩm: Ông Tô Văn Ch phải chịu án phí hành chính sơ thẩm 300.000 đồng. Khấu trừ số tiền ông Ch đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu số 0002414 ngày 14/6/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông Ch đã nộp xong án phí hành chính sơ thẩm.

2- Về án phí hành chính phúc thẩm:

Đương sự kháng cáo ông Tô Văn Ch phải nộp 300.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm ông Ch đã nộp theo Biên lai thu số: 0002493 ngày 13/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng; ông Ch đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 11 tháng 4 năm 2023./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM ;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, NTHN (16b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Đình Thanh